TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:172 /2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa:

* *Người yêu cầu*: Ông Lê Đức Hải Â - Sinh năm: 1980;

Trú tại: Số 59 đường Phan Huy Ch, phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

* *Người yêu cầu*: Bà Trần Thị Bích Ng - Sinh năm: 1986;

Trú tại: Số 59 đường Phan Huy Ch, phường A, quận S, TP Đà Nẵng. Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Lê Đức Hải Â và bà Trần Thị Bích Ng (giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2010 ngày 15 tháng 1 năm 2011 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức Hải Â và bà Trần Thị Bích Ng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuân về việc nuôi con giữa Ông Lê Đức Hải Â và bà Trần Thị Bích Ng như sau: Giao cháu Lê Trần Hải S, sinh ngày: 11/05/2012 cho ông Â trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Hải B, sinh ngày: 15/09/2016 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi nuôi con, hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Â và bà Ng xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Â và bà Ng xác định không có.

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Â và bà Ng mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 008993 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường nơi đã đăng ký kết hôn ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Lương Thị Anh